| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ NGÃ NĂM**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 23 - 3 - 2023
"V/v ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Phước Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

Ông Nguyễn Văn T.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-DS ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:**

Bà với ông Lê Văn T quen biết nhau và tiến tới hôn nhân. Hai người tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2016. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc và có 02 người con chung tên Lê Tân T, sinh ngày 16/02/1994 và Lê Tân D, sinh ngày 19/7/2003 hiện các con đã trưởng thành. Nhưng thời gian gần

đây giữa bà với ông T thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm, làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân với nhau từ tháng 06/2022 đến nay. Nay nhận thấy giữa bà với ông T không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: bà xin ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét và giải quyết.

*** Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt.** Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn

*Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận bà Đ được ly hôn với ông T; Về con chung, tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo nguyên đơn trình bày thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/10/2016. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu nguyên đơn đã cung cấp là trích lục kết hôn số 827/TLKS-BS ngày 06/5/2019 (BL 08) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện giữa hai người đã ly thân với nhau. Xét thấy, vợ chồng

có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn và kiên quyết xin ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn

[4] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

**1.** *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn T.

**2.** *Về con chung*: Đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

**3.** *Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

**4.** *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006391, ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**5.** *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15

ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Vĩnh Quới, thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Phước Toàn**